

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

*“Về việc ly hôn và tranh chấp quyền
nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa: Ông **Sơn Nhựt Nhân**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 23 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023; về việc “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2024/QĐST- HNGĐ ngày 08/7/2024; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kiều T**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh **La Xuân T1**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-9-2023, lời khai của chị **Võ Thị Kiều T** trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Vào ngày 26-6-2009, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh La Xuân T1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống chị và anh T1 có 02 con chung tên: La Quốc H, sinh ngày 04-10-2001 và La Trang A, sinh ngày 28-7-2011. Hiện nay cháu Trang A đang sống chung với chị, cháu H đã trưởng thành và có gia đình sống riêng. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: anh T1 không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, thường xuyên chửi mắng chị. Từ đó vợ chồng sống chung với nhau không hòa hợp, dẫn đến nhiều mâu thuẫn và cãi vã. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh La Xuân T1.
- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu La Trang A và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy khai ngày 07- 5 - 2024 bị đơn anh La Xuân T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: anh đồng ý giao cháu Trang A cho chị T nuôi nếu cháu có nguyện vọng sống với mẹ và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh cho rằng có nhà và đất hiện vợ chồng anh đang ở, anh yêu cầu chia tài sản chung thành 04 phần bằng nhau, anh nhận $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất, còn lại vợ và 02 con anh mỗi người $\frac{1}{4}$.

Về nợ chung: anh cho rằng có nợ bà Nguyễn Thị V 138.500.000 đồng nhưng đã giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án và anh cùng chị T đã trả được một phần, hiện còn nợ khoảng 40.000.000 đồng. Ngoài ra anh chị không còn khoản nợ nào khác.

Tại phiên tòa anh T1 thay đổi lời khai, không muốn ly hôn với chị T và muốn cùng chị đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về con chung: nếu phải ly hôn anh T1 thống nhất giao La Trang A, sinh ngày 28-7-2011 cho chị T nuôi, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Cháu La Quốc H, sinh ngày 04-10-2001 đã thành niên và sống tự lập nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung có nợ bà Nguyễn Thị V 138.500.000 đồng đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật đang thi hành án. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Những vấn đề mà các đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1, anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: chị T cho rằng không có, anh T1 cho rằng có nhà đất và yêu cầu chia nhưng không làm đơn yêu cầu cụ thể.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều T; chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1; giao cháu La Trang A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu và xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh La Xuân T1. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 1, vào ngày 26-6-2009. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T cấp ngày 26-6-2009 nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không quan tâm lo lắng cho gia đình, thường xuyên bài bạc, chửi mắng chị. Do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T1 nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vã. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị T và anh T1 nhưng cả hai đều không muốn hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 07-5-2024 anh T1 cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh T1 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị T cho rằng anh thường xuyên xúc phạm chị và gia đình chị, chị đã cung cấp đoạn ghi âm được trích ra từ điện thoại chị cho Tòa án để chứng minh vợ chồng chị thường xuyên cãi vã. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên: La Quốc H, sinh ngày 04-10-2001 và La Trang A, sinh ngày 28-7-2011. Chị T và anh T1 thống nhất giao cháu La Trang A cho chị Võ Thị Kiều T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Riêng cháu La Quốc H đã trưởng thành nên anh T1 và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét người trực tiếp chăm sóc cháu Trang A từ trước đến nay là chị T, cháu Trang A giới tính nữ mẹ là người thấu hiểu tâm sinh lý của cháu hơn. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện TC cũng đã lấy ý kiến của cháu A, cháu trình bày khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với mẹ (bút lục 50). Việc giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo không thay đổi môi trường sống và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên giao cháu Trang A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T cho rằng không có, anh T1 cho rằng có nhưng anh không có đơn yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Dành cho anh La Xuân T1 quyền khởi kiện vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh T1 khai có nợ bà Nguyễn Thị V số tiền 138.500.000 đồng đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận số 61/2013/QĐST- DS ngày 30-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện TC, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T được ly hôn với bị đơn anh La Xuân T1.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kiều T và anh La Xuân T1 có 02 con chung tên: La Quốc H, sinh ngày 04-10-2001 và La Trang A, sinh ngày 28-7-2011. Chị T và anh T1 thống nhất giao cháu La Trang A cho chị Võ Thị Kiều T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Riêng cháu La Quốc H đã trưởng thành nên anh T1 và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kiều T cho rằng không có, anh La Xuân T1 cho rằng có nhưng anh không có đơn yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Dành cho anh La Xuân T1 quyền khởi kiện vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Kiều T và anh La Xuân T1 khai có nợ bà Nguyễn Thị V số tiền 138.500.000 đồng đã được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận số 61/2013/QĐST- DS ngày 30-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện TC, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000270 ngày 14-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Chị Võ Thị Kiều T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền**